ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 102 /GP-UBND	*Thanh Hóa, ngày 23 tháng 7 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2390/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Thành An; số 676/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Thành An, tại xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá và xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hoá;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 08/HQ-MT ngày 08/7/2025 của Công ty TNHH Hoàng Quân DH về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thành An tại xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa và xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Lộc và phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 953/TTr-SNNMT ngày 18/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Quân DH (địa chỉ Văn phòng đại diện: Lô 10E3, khu đô thị Bình Minh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thành An tại xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa và xã Hoằng Quang,

thành phố Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Lộc và phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thành An tại xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa và xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hoằng Lộc và phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 2803039230 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/09/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 2803039230.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng, ăn uống, nhà kho.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng: 13.842 m^2.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô dự án: Xây dựng khu thương mại dịch vụ tổng hợp; nhà dịch vụ thấp tầng; nhà dịch vụ ăn uống – nghỉ ca; nhà kho và các công trình phụ trợ khác (quy mô các hạng mục công trình xây dựng cụ thể sẽ theo quy hoạch chi tiết xây dựng, giấy phép xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Công nghệ sản xuất (chức năng, hoạt động):

+ Nhà dịch vụ ăn uống, nghỉ ca → hoạt động ăn uống, nghỉ ngơi cho cán bộ nhân viên làm việc tại dự án và khách vãng lai.

+ Nhà dịch vụ tổng hợp → hoạt động cán bộ nhân viên làm việc tại văn phòng.

+ Nhà kho, Nhà dịch vụ thấp tầng → hoạt động vận chuyển, xuất nhập hàng hóa tại kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Quân DH:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Quân DH có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 30 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 7 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Hoằng Lộc, UBND phường Nguyệt Viên và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Hoằng Lộc;
- UBND phường Nguyệt Viên;
- Công ty TNHH Hoàng Quân DH;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà dịch vụ tổng hợp (nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải tắm giặt, rửa tay chân) có lưu lượng là 15,0 m^3/ngày.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà dịch vụ ăn uống, có lưu lượng là 2,08 m^3/ngày.đêm, trong đó: Nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải tắm giặt, rửa tay chân có lưu lượng 1,08 m^3/ngày.đêm, Nước thải ăn uống có lưu lượng 1,0 m^3/ngày.đêm.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà dịch vụ thấp tầng (nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải tắm giặt, rửa tay chân) có lưu lượng là 1,68 m^3/ngày.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà kho (nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải tắm giặt, rửa tay chân) có lưu lượng là 0,9 m^3/ngày.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà vệ sinh (nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải tắm giặt, rửa tay chân) có lưu lượng là 0,4 m^3/ngày.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tuyến mương đất hiện trạng phía Bắc dự án thuộc xã Hoằng Quang (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa).

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy ra tuyến mương đất hiện trạng phía Bắc dự án thuộc xã Hoằng Quang (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X = 2193215 (m); Y = 586428 (m) *(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o, múi chiếu 3^o).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát thải theo điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20,06 m^3/ngày.đêm

2.4. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau trạm XLNT tập trung xả thải ra tuyến mương đất hiện trạng phía Bắc dự án thuộc xã Hoằng Quang (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa) qua đường ống PVC-D200.

- Phương thức xả thải: Tự chảy, có kiểm soát qua đồng hồ đo lưu lượng.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (theo thời gian hoạt động của dự án).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031) và QCVN 14: 2025/BTNMT, cột B (áp dụng từ ngày 01/01/2032).

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14: 2008/BTNMT (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031) (cột B, hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,0 – 10,8	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 3, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD_5 (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	1,2		
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
6	Nitrat ($NO3^-$)(tính theo N)	mg/l	60		
7	Phosphat ($PO4\ 3^-$) (tính theo P)	mg/l	12		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
9	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8		
10	Coliforms	MPN/ 100ml	6.000		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14: 2008/BTNMT (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031) (cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải F ≤ 2000 m^3/ngày), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan
2	BOD_5 (20°C)	mg/l	≤ 30		
3	Tổng rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 100		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15	nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 3, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 3,0		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤ 5,0		
9	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	≤ 0,5		
10	Coliforms	MPN/ 100ml	≤ 5 000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 (nước thải sinh hoạt từ bồn tiểu, bồn cầu… được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải rửa tay chân, nước thải từ bồn rửa, vệ sinh sàn... không đi qua bể tự hoại) được thu gom bằng đường ống PVC D200 sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25,0 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải ăn uống nhà ăn từ nguồn số 02 (đối với nước thải ăn uống) được thu gom, xử lý qua bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống PVC D200 dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25,0 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- 3 bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 46,0 m^3/bể tại Nhà dịch vụ cao tầng; 01 bể thể tích 13,0 m^3/bể tại Nhà dịch vụ thấp tầng; 01 bể thể tích 5,0 m^3/bể tại Nhà vệ sinh).

- 01 bẫy tách dầu mỡ (thể tích 2,0 m^3) tại khu vực nhà dịch vụ - ăn uống.

- Công trình, thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25,0 m^3/ngày đêm.

- 01 bể gom tổng kích thước (2x1,5x3,5) m; 01 bể điều hòa, kích thước: (2x3,5x3,5) m; 01 bể thiếu khí, kích thước: (2x3x3,5) m; 01 bể hiếu khí (kích thước: (3x3x3,5) m; 01 bể lắng (kích thước: (2x2x3,5) m; 01 bể khử trùng, kích thước: (0,78x2x3,5) m; 01 bể chứa bùn, kích thước: (2x2x3,5) m.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 25 m^3/ngày.đêm

Bể gom tổng → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng bùn → bể chứa trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6. phần A của Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại;

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Bố trí thêm máy móc, thiết bị dự phòng khi xảy ra sự cố thiết bị có thể khắc phục ngay. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chưa thể khắc phục ngay sẽ tạm dừng hoạt động xả thải để thực hiện công tác khắc phục đảm bảo quy chuẩn cho phép.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại mục 2, khoản 13, điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25,0 m^3/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung và đầu ra tại mương đất hiện trạng phía Bắc dự án thuộc xã Hoằng Quang (nay là phường Nguyệt Viên) (điểm tiếp nhận nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6. Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra ngoài môi trường chưa đáp ứng quy định về chất lượng nước thải được xả thải ra ngoài môi trường, cũng như xả thải vượt quá lưu lượng tối đa cho phép.

3.2. Có nhật ký vận hành chính thức (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

1.1. Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng;

1.2. Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm phục vụ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung;

1.3. Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Yêu cầu các phương tiện ra vào dự án hạn chế dùng còi.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	12
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	18
3	Hộp mực in thải	19 06 01	12
	Tổng khối lượng		**31,0**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bao bì, pallet hỏng, vật liệu đóng gói (túi nilon, thùng cacton,..)	9,0
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	25,05
	Tổng	**34,05**

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	55,05

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 5,0 m^2;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Khu vực để chất thải nguy hại được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dãn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị

chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: Diện tích 10 m^2 (BxL=5x2) tại hạng mục nhà kho.

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền láng bê tông chống thấm.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 10 m^2 (BxL=5x2).

- Thiết bị lưu chứa được bố trí như sau:

+ 20 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 5 lít tại khu vực nhà vệ sinh và quầy thu ngân, phòng làm việc thuộc Nhà dịch vụ tổng hợp, Nhà dịch vụ ăn uống - nghỉ ca, Nhà dịch vụ thấp tầng.

+ 30 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 50 lít tại hành lang của Nhà dịch vụ tổng hợp, Nhà dịch vụ ăn uống - nghỉ ca, Nhà dịch vụ thấp tầng.

+ 04 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 30 lít tại khu vực nhà kho.

+ 06 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít tại sân đường nội bộ.

+ 05 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 240 lít tại khu tập kết rác.

- Thiết kế, cấu tạo: mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

Công ty TNHH Hoàng Quân DH có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình như sau:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày xây dựng, hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước. Nước mưa được dẫn về hệ thống cống thoát nước khu vực, sau đó chảy ra mương đất hiện trạng phía Bắc dự án.

- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,…) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi…

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- Đối với nước thải vệ sinh tay chân của công nhân với lưu lượng 0,64m^3/ngày được thu gom về 01 hố lắng tạm (thể tích V = 2,0 m^3, kích thước: (1x2x1) m. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra hệ thống cống tiêu thoát khu vực, sau đó dẫn về mương đất hiện trạng phía Bắc dự án thuộc xã Hoằng Quang (nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hóa).

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng 0,96 m^3/ngày được thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh: (2,6x0,9x1,35) m. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày 1 lần) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng 4,0 m^3 (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước bể là (2x2x1) m tại khu vực gần cổng ra vào công trường để xử lý lắng lọc. thời gian lắng khoảng 1 ngày, hố lắng được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý; Nước rửa lốp bánh xe được tái sử dụng, bổ sung thường xuyên khi cạn, không thải ra môi trường. Váng dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng bụi phát tán trong khu vực thi công, các tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư lân cận; sử dụng xe téc 5,0 m^3, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc; tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (đặc biệt cổng vào dự án) khi thấy có đất cát vương vãi. Trong phạm vi công trường phải thực hiện phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày (đầu buổi sáng và buổi chiều), tần suất phun tưới nước có thể còn tăng lên nếu thấy bụi xuất hiện trên công trường thi công.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5m, dài khoảng 180m (gần khu vực mặt đường) để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án với đường QL1A để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, găng tay, kính...theo quy định).

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và nguy hại

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 30 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 2-3 ngày/lần.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Các loại chất thải rắn như đá thải, gạch hư hỏng, xi măng hỏng,... thu gom riêng, chủ đầu tư thuê đơn vị đến vận chuyển đi san lấp nơi khác. Nhà thầu thi công sẽ có thỏa thuận đổ thải với công ty môi trường sau khi dự án được phê duyệt.

+ Toàn bộ khối lượng phần đất mặt bóc tách được sử dụng trong khuôn viên dự án, dùng cho mục đích trồng hoa cây cảnh.

+ Đất đào hố móng công trình được tận dụng làm vật liệu tôn nền các công trình của dự án.

+ Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh trong ranh giới dự án... Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến nạo vét thông hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn thông thường khác sẽ được thu gom và đem đến kho lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời khoảng 5 m^2 để lưu giữ. Tại kho lưu giữ bố trí 3 thùng nhựa có dung tích 120 lít để lưu giữ và phân loại chất thải, kho lưu giữ được bố trí có mái che, quây kín tránh mưa tránh nắng. Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 03 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Công ty TNHH Hoàng Quân DH có trách nhiệm:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,… Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP,

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Quyết định số 13/2022/QĐ- UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.